

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56 /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 14 tháng 01 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Mua Phim MRI, vật tư y tế tiêu hao, vật tư chuyên khoa Mắt và sinh phẩm xét nghiệm sử dụng năm 2025 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện đấu thầu;

Theo đề nghị của Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông tại Tờ trình số 106/TTr-BVT ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Tờ trình số 111/TTr-BVT ngày 20/12/2024; kết quả thẩm định của Sở Y tế tại Báo cáo số 771/BC-SYT ngày 26 tháng 12 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Mua Phim MRI, vật tư y tế tiêu hao, vật tư chuyên khoa Mắt và sinh phẩm xét nghiệm sử dụng năm 2025 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông với nội dung sau:





1. Tên Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Mua Phim MRI, vật tư y tế tiêu hao, vật tư chuyên khoa Mắt và sinh phẩm xét nghiệm sử dụng năm 2025 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông.
2. Chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông.
3. Nguồn vốn: Nguồn thu sự nghiệp tại đơn vị và các nguồn thu hợp pháp khác.
4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
6. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
7. Hợp đồng được ký kết: Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông ký kết hợp đồng mua bán với các nhà thầu theo quy định hiện hành.
8. Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu: Quý I năm 2025.
9. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 90 ngày
10. Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
11. Địa điểm cung ứng: Khoa Dược, Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông.
12. Tổng giá trị gói thầu: 3.771.884.000 đồng (*Ba tỷ, bảy trăm bảy mươi một triệu, tám trăm tám mươi bốn ngàn đồng*).

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ có liên quan, hình thức lựa chọn nhà thầu, đơn giá, số lượng, chất lượng của từng sản phẩm do đơn vị trình phê duyệt tại Tờ trình số 106/TTr-BVT ngày 29/11/2024 và Tờ trình số 111/TTr-BVT ngày 20/12/2024; thực hiện đầy đủ quy định tại Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế và Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

2. Sở Y tế chịu trách nhiệm về tính chính xác, pháp lý của kết quả thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Mua Phim MRI, vật tư y tế tiêu hao, vật tư chuyên khoa Mắt và sinh phẩm xét nghiệm sử dụng năm 2025 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông theo Báo cáo số 771/BC-SYT ngày 26/12/2024 của Sở Y tế; hướng dẫn tổ chức kiểm tra, theo dõi hoạt động đấu thầu được giao đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định hiện hành.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức giám sát, kiểm soát đơn giá, theo dõi hoạt động đấu thầu mua sắm tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Đắk Nông, Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /sb

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT, KGVX (S).

2



**Tôn Thị Ngọc Hạnh**





## Phụ lục

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Mua Phim MRI, vật tư y tế tiêu hao, vật tư chuyên khoa Mắt và sinh phẩm xét nghiệm sử dụng năm 2025 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông  
(Kèm theo Quyết định số 56 /QĐ-UBND ngày 14/01/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Stt	Mã theo TT04	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá Kế hoạch (Đã có VAT)	Thành tiền
<b>PHẦN 1: DAO CHỌC TIỀN PHÒNG, DAO MỎ PHACO: 02 SẢN PHẨM</b>							<b>41.250.000</b>
1	N05.03.030	Dao chọc tiền phòng 15 độ.	Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép cứng bó sợi không rỉ, độ cứng $\geq 500$ HV, mài theo công nghệ cạnh mài ngang, lưỡi dao phủ Silicon. Dao thẳng, góc 15 độ, cạnh mài ngang, hai mặt vát. Công nghệ chống chói đầu lưỡi dao.	150	Cái	110.000	16.500.000
2	N05.03.030	Dao mổ Phaco 2,2mm, 2,8mm, 2 mặt vát.	Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép cứng bó sợi không rỉ, độ cứng $\geq 500$ HV, mài theo công nghệ cạnh mài ngang, lưỡi dao phủ Silicon. Kích thước lưỡi dao ngang: 2.2mm, 2.8mm cạnh mài ngang, hai mặt vát, gập góc 45 độ. Độ dày lưỡi dao 0.14mm. Công nghệ chống chói đầu lưỡi dao.	150	Cái	165.000	24.750.000
<b>PHẦN 2: BĂNG DÁN MI CÁC CỖ: 01 SẢN PHẨM</b>							<b>5.250.000</b>
1	N02.02.010	Băng dán mí các loại, các cỡ.	Bao bì plastic đảm bảo vô khuẩn riêng từng miếng băng. Lớp film Polyurethane trong suốt: Chống thấm nước và vi khuẩn xâm nhập, rào cản chống virus.	500	Miếng	10.500	5.250.000
<b>PHẦN 3: THỦY TINH THỂ ĐƠN TIÊU CỤ, ĐA TIÊU CỤ: 02 sản phẩm</b>							<b>1.997.000.000</b>



Stt	Mã theo TT04	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá Kế hoạch (Đã có VAT)	Thành tiền
1	N06.03.010	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đa tiêu cự.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 2 tiêu cự, ngâm nước, phi cầu, nhiều xạ, ngăn chặn tia UV, lọc ánh sáng tím.</li> <li>- Các bậc nhiễu xạ nằm ở vùng trung tâm <math>\leq 4\text{mm}</math>, phù hợp với kích thước đồng tử trong các điều kiện ánh sáng khác nhau.</li> <li>- Dải công suất từ 0 đến <math>\geq 35.0\text{D}</math> (từ 0 đến <math>30.0\text{D}</math>, tăng mỗi mức <math>0.5\text{D}</math>; từ <math>31.0</math> đến <math>35.0\text{D}</math>, tăng mỗi mức <math>1.0\text{D}</math>).</li> <li>- Chất liệu: Hydrophilic Acrylic; Đường kính optic <math>\geq 6\text{mm}</math>, đường kính tổng <math>\geq 11\text{mm}</math>.</li> <li>- Thiết kế 4 càng; Góc càng <math>\geq 5^\circ</math>; Bờ vuông liên tục <math>360^\circ</math>.</li> <li>- Hằng số <math>A \leq 118.5</math>; Chỉ số khúc xạ <math>\leq 1.46</math>.</li> </ul>	100	Cái	8.980.000	898.000.000
2	N06.03.010	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu cự không ngâm nước, 4 càng.	<p>Thủy tinh thể mềm, đơn tiêu cự, phi cầu, 4 càng, ngăn chặn tia UV, lọc ánh sáng tím. Có khả năng lọc ánh sáng có bước sóng dưới <math>400\text{nm}</math> để bảo vệ võng mạc. Chất liệu Hydrophobic Acrylic, đường kính optic <math>\geq 6\text{mm}</math>, đường kính tổng <math>\geq 11\text{mm}</math>. Góc càng <math>\geq 5^\circ</math>. Bờ vuông liên tục <math>360^\circ</math>. Dải công suất <math>5.0\text{D}</math> đến <math>35.0\text{D}</math>. Hằng số <math>A \geq 118.4</math>, chỉ số khúc xạ <math>\leq 1.48</math>.</p>	350	Cái	3.140.000	1.099.000.000
<b>PHẦN 4: CHẤT NHẦY PHẪU THUẬT NHÂN KHOA: 01 sản phẩm</b>							<b>246.000.000</b>
1	N07.03.040	Chất nhầy phẫu thuật nhãn khoa kết dính.	<p>Thành phần: Sodium Hyaluronate <math>\geq 2\%</math>. Trọng lượng phân tử <math>2.0-3.0</math> million daltons.  Độ thẩm thấu: <math>250-400</math> mOsm/kg.  Độ nhớt : <math>\geq 750,000</math> mPas.  Độ pH: <math>\geq 6.5</math>.  Thể tích: <math>\geq 1\text{ml}</math>.</p>	1.000	Ống	246.000	246.000.000





Stt	Mã theo TT04	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá Kế hoạch (Đã có VAT)	Thành tiền
<b>PHẦN 5: DUNG DỊCH NHUỘM BAO DỪNG TRONG NHÃN KHOA: 01 Sản phẩm</b>							<b>18.900.000</b>
1	N07.03.050	Dung dịch nhuộm bao dùm trong nhãn khoa.	Chất nhuộm bao phaco.	150	Lọ	126.000	18.900.000
<b>PHẦN 6: VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO KHÁC: 05 sản phẩm</b>							<b>199.416.000</b>
1	N04.04.010	Bộ tiêm truyền tĩnh mạch trung tâm 2 nòng.	Catheter TMTT 2 nòng người lớn 7Fr x 16cm/20cm cỡ nòng (14/18Ga) bao gồm: Catheter polyurethane tương thích sinh học có cản quang, 7F x 16/20cm. Dây dẫn J làm bằng hợp kim NickelTitan mềm và linh hoạt, chống gãy gập. Cây nong, bơm tiêm 5ml, kim Y dẫn đường, dao, hub, cánh khâu cố định cathete.	200	Cái	245.160	49.032.000
2		Hóa chất Citric Acid.	Acid citric Tinh khiết $\geq 99\%$	700	Kg	40.000	28.000.000
3		Dung dịch khử khuẩn và làm sạch quả lọc thận nhân tạo.	Peracetic acid: $\geq 4\%$ ; Hydrogen Peraxide: $\leq 26\%$ ; Acetic acid: $\leq 10\%$ .	240.000	ml	230	55.200.000
4	N03.07.030	Túi ép dẹp tiệt trùng 150mm x 200m.	Túi hấp tiệt trùng loại dẹp dùm để đóng gói hấp tiệt trùng các dụng cụ phẫu thuật và trang thiết bị y tế, kích thước: 150mm x 200m, có chỉ thị hóa học chuyển màu.	34	Cuộn	376.000	12.784.000
5	N03.07.070	Ống nghiệm EDTA K2 1ml.	Ống nghiệm EDTA K2 1ml nắp xanh dương, mous thấp.	80.000	Cái	680	54.400.000
<b>PHẦN 7: PHIM DỪNG CHO MÁY MRI: 01 Sản phẩm</b>							<b>543.900.000</b>
1	N07.01.500	Phim dùm cho máy MRI.	Kích thước 35 x 43 cm, dùm trên máy in Trimax TX55 Laser Imaging System.	14.000	Tấm	38.850	543.900.000



Stt	Mã theo TT04	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá Kế hoạch (Đã có VAT)	Thành tiền
<b>PHẦN 8: SỢI QUANG TIÊU CHUẨN DÙNG CHO MÁY LASER TÁN SỎI: 01 sản phẩm</b>							<b>45.320.370</b>
1	N07.05.080	Sợi quang tiêu chuẩn dùng cho máy laser tán sỏi.	Cỡ 365 $\mu$ m, loại tái sử dụng được (Dùng cho máy tán 20W).	2	Cái	24.473.000	48.946.000
<b>PHẦN 9: SINH PHẨM DÙNG TRONG CHẨN ĐOÁN, ĐIỀU TRỊ: 07 sản phẩm</b>							<b>671.222.000</b>
1		Test thử đường huyết.	Test nhanh chẩn đoán đường huyết.	22.000	Test	4.700	103.400.000
2		Test xét nghiệm định tính kháng nguyên NS1 của virus Dengue, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần.	Xét nghiệm định tính kháng nguyên NS1 của virus Dengue. Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần.	12.000	Test	36.206	434.472.000
3		Sinh phẩm chẩn đoán in vitro định tính phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người.	Thẻ xét nghiệm định tính HCV. Thành phần: Colloidal Gold; Recombinant HCV antigen; Goat anti-human IgG.	5.000	Test	14.500	72.500.000
4		Xét nghiệm định tính kháng thể IgG, IgM, IgA kháng Treponema pallidum, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần.	Xét nghiệm định tính kháng thể IgG, IgM, IgA kháng Treponema pallidum. Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần Hộp xét nghiệm gồm (thanh thử; dải; dung môi; pipet mao dẫn 20 $\mu$ l (tùy chọn).	1.000	Test	19.950	19.950.000



Stt	Mã theo TT04	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá Kế hoạch (Đã có VAT)	Thành tiền
5		Test thử nhanh chất gây nghiện MOP Morphine.	Test thử nhanh chất gây nghiện MOP Morphine.	2.000	Test	6.000	12.000.000
6		Test thử chất gây nghiện Marijuana.	Phát hiện THC trên mẫu nước tiểu. Dạng dipstick, thực hiện trên mẫu nước tiểu tươi. Tiêu chuẩn CE. Cung cấp kèm que lấy mẫu. LOD 50 ng/ml.	2.000	Test	9.450	18.900.000
7		Test thử nhanh được sử dụng để phát hiện IgM kháng thể đối với Enterovirus (EV71), một loại virus gây bệnh tay, chân và miệng.	Phát hiện phân biệt kháng thể IgG và IgM. thực hiện trên mẫu huyết thanh hoặc huyết tương, Độ nhạy: $\geq 97,9\%$ . Độ Đặc hiệu: $98,5\%$ ) khoảng tin cậy 95% Đạt tiêu chuẩn: ISO.	200	Test	50.000	10.000.000
<b>Tổng: 09 phần, 21 sản phẩm</b>							<b>3.771.884.000</b>